

CÂU NHÂN QUẢ VỚI VỊ NGỮ ĐƯỢC BIỂU HIỆN BẰNG ĐỘNG TỪ NGỮ PHÁP TRONG TIẾNG VIỆT

PGS. TS NGUYỄN VĂN LỘC
ThS. NGUYỄN THỊ THU HÀ

Abstracts: The paper presents an analysis of cause-and-effect sentences with predicate expressed by verbs such as *do*, *enjoin* in order to highlight:

- 1) The characteristics, significance, and grammatical features of the verbs *do*, *enjoin* in the predicate role;
- 2) The characteristics of the subject, complement as sub-constituents of the sentence to show the binding grammar of verb - predicate;

Key words: *cause-and-effect sentence, grammatical verb.*

1. Dẫn nhập

Quan hệ nhân quả là một trong những kiểu quan hệ ngữ nghĩa phổ biến. Trong tiếng Việt, quan hệ nhân quả được biểu thị bằng hai phương tiện chủ yếu: quan hệ từ nhân quả và động từ ngữ pháp.

Cấu trúc có ý nghĩa nhân quả (được tạo nên bởi các phương tiện trên đây) được gọi là cấu trúc nhân quả. Trong trường hợp cấu trúc nhân quả trực tiếp tạo nên câu, ta sẽ có *câu nhân quả*. Thí dụ:

(1) Vì tôi *thẳng tợn* nên hai *cậu chủ* của tôi *yêu quý* tôi *lắm*. (Tô Hoài)

(2) Nhờ anh *cán đảm*, quân *cướp* bị *giải* lên *huyện*. (Nguyễn Công Hoan)

(3) Ánh *đèn rực rỡ* làm *chàng* *chói mắt*. (Thạch Lam)

(4) Chị *Ba đến* khiến tôi *rất vui* và *vững tâm*. (Anh Đức)

Trong các công trình nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt, cấu trúc nhân quả hay câu nhân quả đã được đề cập đến khá nhiều. Tuy nhiên, riêng câu nhân quả có vị ngữ là các động từ ngữ pháp (mà tiêu biểu là *làm*, *khiến*) - một kiểu câu có những đặc điểm khá phức tạp và thú vị vẫn còn ít được chú ý. Ngoài ra, vẫn còn có sự nhầm lẫn động từ ngữ pháp biểu thị mối quan hệ nhân quả với động từ - thực từ thuộc nhóm câu khiến và với quan hệ từ.

Như vậy, việc khảo sát sâu hơn về câu nhân quả có vị ngữ là các động từ ngữ pháp *làm*, *khiến* là hết sức cần thiết và có ý nghĩa. Điều đó không chỉ làm rõ hơn những nét độc đáo của kiểu câu này trong loại câu nhân quả, vị trí của nó trong hệ thống câu có vị ngữ được biểu hiện bằng động từ ngữ pháp mà còn giúp làm rõ ranh giới giữa kiểu câu này với câu cầu khiến.

Những nội dung chính mà bài viết này sẽ tập trung làm rõ là:

1) Đặc điểm của các động từ ngữ pháp *làm, khiến* trong vai trò vị ngữ (hạt nhân ngữ pháp của câu).

2) Đặc điểm của chủ ngữ, bổ ngữ với tư cách là các thành phần phụ của câu thể hiện kết trị bắt buộc của động từ - vị ngữ.

2. Đặc điểm của các động từ ngữ pháp *làm, khiến*

2.1. Về nguồn gốc và đặc tính từ loại

Làm, khiến trong những câu dẫn ra trên đây mặc dù đều có nguồn gốc từ động từ - thực từ (trong (5) "*Chìm làm tổ*", (6) "*Nó làm thơ*", (7) "*Ấn có mời, làm có khiến*", (8) "*Tao không khiến mày*") nhưng đã ngữ pháp hóa (hư hóa) ở mức độ nhất định.

Mối quan hệ về nguồn gốc giữa *làm, khiến* là động từ ngữ pháp (trong những câu (3), (4)) và *làm, khiến* là động từ - thực từ (trong những câu (5), (6), (7), (8)) không chỉ thể hiện ở sự đồng nhất về ngữ âm giữa chúng mà còn thể hiện ở sự giống nhau về nghĩa (chúng đều có nét nghĩa: chỉ hoạt động "tạo ra", "gây ra" hoặc "đến đến kết quả nào đó").

Sự ngữ pháp hóa của *làm, khiến* trong những câu đang được xem xét được thể hiện ở chỗ:

a) Về nghĩa: Khác với các động từ - thực từ chỉ hoạt động cụ thể, *làm, khiến* là động từ ngữ pháp chỉ hoạt động rất khái quát (hoạt động hiểu theo nghĩa ngữ pháp), đồng thời chỉ mối quan hệ nhân quả giữa chủ ngữ và bổ ngữ.

b) Về hoạt động ngữ pháp: Các động từ ngữ pháp *làm, khiến* không

có khả năng hoạt động độc lập như động từ - thực từ (không thể có những câu hay cấu trúc tỉnh lược kiểu như: *Tiếng nổ khiến. Chị Ba đến làm cho.*)

Về việc xác định đặc tính từ loại của *làm, khiến* trong những câu đang được xem xét, ý kiến của các nhà nghiên cứu không thống nhất.

Một số tác giả không phân biệt *làm, khiến* trong những câu trên đây với động từ - thực từ thuộc nhóm cầu khiến. Chẳng hạn, Nguyễn Kim Thân xếp *làm, khiến* trong những câu kiểu trên đây vào nhóm "động từ gây khiến" (*cắm, sai, báo, yêu cầu, đề nghị, mời, khuyên...*). Theo ông: "động từ gây khiến biểu thị hoạt động thúc đẩy, cho phép, giúp đỡ hay cản trở sự thực hiện của những hoạt động khác" [2, 147]. Mô hình ngữ pháp cơ bản của các "động từ gây khiến" theo Nguyễn Kim Thân là: $N_1 - V_1 - N_2 - V_2$. Thí dụ:

(9) *Giáp cắm em chơi.*

(10) *Các anh đừng làm nhà tôi nó thẹn.* [2, 147-149]

Theo chúng tôi, việc xếp *làm, khiến* trong những câu đang được xem xét vào cùng một nhóm với động từ cầu khiến (*cắm, mời, khuyên, yêu cầu...*) là không phù hợp vì giữa hai nhóm này có những điểm khác biệt quan trọng. Cụ thể:

a) Về nghĩa: *Làm, khiến* chỉ hoạt động khái quát với nội dung "gây ra một hệ quả nào đó" (do đó, chúng phù hợp với tên gọi "động từ gây khiến"); còn động từ cầu khiến chỉ hoạt động cụ thể (thường được thực hiện bằng lời nói) với nội dung: yêu cầu, thúc giục hay cản trở việc thực hiện một hoạt động nào đó. Sự tỉnh (hệ quả) nêu ở bổ ngữ sau các động từ ngữ pháp *làm, khiến* có "tính thực hữu" (sự tỉnh

đó đã, đang xảy ra hoặc được nhìn nhận là sẽ xảy ra như một hệ quả tất yếu). Sự tình nêu ở bổ ngữ sau động từ câu khiến không có tính thực hữu như vậy mà chỉ là khả năng. Chính điều này giải thích vì sao chỉ có thể nói: (11) *Tôi mời nó đến nhưng nó không đến*. Nhưng không thể nói: (12) *Tiếng nổ khiến mọi người giật mình nhưng mọi người không giật mình*.

b) Về hoạt động ngữ pháp (về kết tri)

- Chủ ngữ bên các động từ câu khiến thường là danh từ chỉ người, còn chủ ngữ bên các động từ *làm*, *khiến* không chỉ là danh từ (thường là danh từ trừu tượng) mà còn có thể là vị từ, cụm vị từ (cụm chủ vị).

- Ở bộ phận bổ ngữ, cũng có sự khác biệt quan trọng:

+ V_2 ở sau *làm*, *khiến* có thể là tính từ. (Thí dụ: (13) *Tập thể dục làm cho con người khỏe mạnh*); còn V_2 sau động từ câu khiến hầu như chỉ có thể là động từ (không thể nói: (14) *Tôi yêu cầu anh khỏe*. (15) *Tôi cảm anh yếu*).

+ V_2 sau các động từ *làm*, *khiến* có thể là động từ không chủ động. (Thí dụ: (12) *Tiếng nổ khiến mọi người giật mình*). V_2 sau các động từ câu khiến phải là động từ chủ động (không nói: (16) *Tôi yêu cầu mọi người giật mình*).

+ V_2 sau các động từ *làm*, *khiến* không thể lược bỏ. (Không nói: (17) *Tiếng nổ khiến mọi người*). V_2 sau động từ câu khiến có thể lược bỏ. (Có thể nói: (18) *Ông cảm máy*. (19) *Tôi mời bác*).

Ngoài việc cần khắc phục sự nhầm lẫn động từ gây khiến (*làm*, *khiến*) với động từ câu khiến như vừa chỉ ra, cũng cần tránh sự nhầm lẫn động

từ gây khiến với quan hệ từ (liên từ). Chẳng hạn, trong *Từ điển tiếng Việt* (do Văn Tân chủ biên), các tác giả coi *khiến* (trong câu (20a) *Nó lười biếng khiến mẹ nó không vui*) là liên từ và chú nghĩa của nó là "làm cho", [7, 425]. Có thể thấy chỗ dựa của ý kiến này có lẽ là ý nghĩa "biểu thị quan hệ nhân quả" của *khiến* và khả năng thay thế nó bằng quan hệ từ nhân quả *nên*. So sánh:

(20a) *Nó lười biếng khiến mẹ nó không vui*.

(20b) *Nó lười biếng nên mẹ nó không vui*.

Tuy nhiên, nét gần gũi giữa *khiến* và quan hệ từ (liên từ) như chỉ ra trên đây không phải là căn cứ xác đáng để xếp *khiến* (*làm*) vào phạm trù liên từ (quan hệ từ) vì:

a) Về nghĩa, khác với quan hệ từ (liên từ) chỉ có ý nghĩa quan hệ thuần túy, *khiến* vẫn gắn với nghĩa hoạt động khái quát như đã chỉ ra ở trên.

b) Về hoạt động ngữ pháp, *khiến* khác với quan hệ từ ở chỗ:

- Chúng có khả năng kết hợp với các phó từ thời thể và giữ vai trò hạt nhân ngữ pháp của câu. (Thí dụ: (21) *Cuộc đời éo le đã khiến tôi chán lắm*. (Tô Hoài)).

- Trong nhiều trường hợp (khi chủ ngữ là danh từ, nhóm danh từ), không thể thay thế *khiến* bằng quan hệ từ *nên*. So sánh:

(22a) *Sự so sánh ngộ nghĩnh khiến Chương phải mỉm cười*. (Khái Hưng)

(22b) *Sự so sánh ngộ nghĩnh nên Chương phải mỉm cười*.^(*)

(23a) *Một ý nghĩ khiến ông mỉm cười*. (Ngô Tự Lập)

(23b) *Một ý nghĩ nên ông mỉm cười.*^(c)

Tóm lại, các động từ *làm*, *khiến* trong những câu được xem xét có đặc tính bán thực từ (bán hư từ) và chiếm vị trí trung gian giữa động từ và quan hệ từ. Ở đây, chúng tôi gọi *làm*, *khiến* là động từ ngữ pháp.

2.2. Về ý nghĩa và thuộc tính kết trị của *làm*, *khiến*.

2.2.1. Về ý nghĩa

Như đã nói trên đây, các động từ ngữ pháp *làm*, *khiến* có hai nét nghĩa cơ bản: nghĩa hoạt động khái quát (hoạt động hiểu theo nghĩa ngữ pháp) và nghĩa quan hệ (biểu thị quan hệ ngữ nghĩa nhân quả giữa chủ ngữ và bổ ngữ).

2.2.2. Về kết trị

Các động từ *làm*, *khiến* có khả năng tạo câu hay cấu trúc (cụm động từ hay nút động từ theo thuật ngữ của L. Tesnière [10, 25]) với các mô hình chính sau đây:

1) $N_1 + \text{làm (khiến)} + N_2 + V_2$.

Thí dụ:

(24) *Ý tưởng ấy khiến Huy cảm tức.* (Nhất Linh, Khái Hưng)

2) $V_1 + \text{làm (khiến)} + N_2 + V_2$.

Thí dụ:

(25) *Nghĩ thế làm cho Minh thêm buồn rầu.* (Nhất Linh, Khái Hưng).

3) $N_1 + V_1 + \text{làm (khiến)} + N_2 + V_2$.

Thí dụ:

(26) *Gió thổi mạnh làm Sơn cảm thấy lạnh và cay mắt.* (Thạch Lam)

(Ghi chú: N: danh từ, V: vị từ; danh từ, vị từ ở bộ phận chủ ngữ được đánh số 1, ở bộ phận bổ ngữ được đánh số 2).

3. Đặc điểm của chủ ngữ bên các động từ *làm*, *khiến*

3.1. Về hình thức

3.1.1. Về cấu tạo

Như các mô hình kết trị trên đây cho thấy, chủ ngữ bên các động từ *làm*, *khiến* có thể được biểu hiện bằng danh từ (nhóm danh từ, đại từ), vị từ, cụm vị từ (cụm chủ vị).

3.1.1.1. Chủ ngữ được biểu hiện bằng danh từ (nhóm danh từ)

Ngữ liệu khảo sát cho thấy các danh từ giữ vai trò chủ ngữ bên các động từ *làm*, *khiến* chủ yếu thuộc các nhóm có đặc điểm sau:

1) Các danh từ trừu tượng được cấu tạo bởi các yếu tố thường được coi là có tác dụng “danh hóa” (như: *sự*, *cuộc*, *cái*, *trận*, *tiếng*, *giọng*, *câu*...) kết hợp với vị từ. Thí dụ:

(27) *Sự im lặng trong huyện đường khiến cho quan càng oai vệ lắm.* (Vũ Trọng Phụng)

(28) *Sự yên tĩnh khiến Tuyết cảm thấy sự trống rỗng trong lòng.* (Khái Hưng)

(29) *Cuộc kháng chiến đã làm Hoàng đổi mới tư tưởng rồi chăng?* (Nam Cao)

(30) *Trận mưa phải thời này đã khiến làng Nho thêm nhiều công việc.* (Ngô Tất Tố)

(31) *Cái chết kia hẳn đã làm cho nhiều người sung sướng lắm.* (Vũ Trọng Phụng)

(32) *Những tiếng nổ ầm ầm làm Lương choàng tỉnh dậy.* (Nguyễn Đình Thi)

(33) *Giọng nói khi cất cao, khi hạ thấp, khi ngọt ngào, khi tức giận của thím Ba làm cho các mũi súng đôi bên lần lượt chúc xuống.* (Anh Đức)

(34) *Câu hỏi bất ngờ của Liên làm Minh trở nên lúng túng.* (Khái Hưng, Nhất Linh)

Có thể thấy ở những câu trên đây, chủ ngữ mặc dù về nghĩa ngữ pháp, đều chỉ sự vật (đều là danh từ, nhóm danh từ) nhưng về nghĩa từ vựng, đều chỉ hoạt động hay đặc điểm (vì trọng tâm ngữ nghĩa của nó nằm ở các yếu tố chỉ hoạt động, đặc điểm).

2) Các danh từ chỉ sự vật cụ thể hay trừu tượng mà ý nghĩa luôn gắn với và gọi ra thuộc tính (hoạt động, đặc điểm) đặc trưng của chúng. Thí dụ:

(35) *Trắng làm thị đẹp lên.* (Nam Cao)

(36) *Cử chi ấy làm cho ông đồ Uẩn sợ xanh mắt.* (Vũ Trọng Phụng)

(37) *Thái độ của chị khiến tôi lại càng kinh ngạc.* (Vũ Trọng Phụng)

Trong câu (35), *trắng* là sự vật cụ thể có thuộc tính đặc trưng là "sáng". Vì vậy, câu này có thể hiểu là "Ánh trắng (sáng) làm thị đẹp lên".

Trong những câu (36), (37), các danh từ *cử chi*, *thái độ* tuy không chỉ hoạt động hay đặc điểm nhưng nghĩa của chúng luôn gắn với và gọi ra hoạt động, đặc điểm nào đó của con người (*thân thiện, nhẹ nhàng, lạnh lùng...*).

3) Danh từ trừu tượng điều kết hợp với định ngữ thuộc các kiểu khác nhau. Thí dụ:

(38a) *Điều ấy khiến tôi rất yên tâm.* (Lê Minh Huy)

(39a) *Những điều này khiến Bình suy nghĩ và đau lòng.* (Nguyễn Hồng)

(40) *Điều tôi nghe hôm ấy về ngôi chùa làm tôi băng khuâng suy nghĩ sang nhiều lĩnh vực khác.* (Nguyễn Đình Thi)

Trong câu (40), *điều* được cụ thể hóa ý nghĩa bằng cụm chủ vị biểu thị một sự việc cụ thể. Trong các câu (38) (39), các định ngữ của *điều*, về nguyên tắc, đều có thể thay thế bằng vị từ hoặc cụm chủ vị. Thí dụ:

(38b) *Điều vừa nghe được khiến tôi rất yên tâm.*

(39b) *Những điều Năm Sài Gòn nói khiến Bình suy nghĩ và đau lòng.*

Ngoài những trường hợp phổ biến trên đây, còn có thể gặp những trường hợp chủ ngữ bên các động từ *làm*, *khiến* được biểu hiện bằng danh từ (đại từ) chỉ người nhưng những trường hợp này không phổ biến và chủ yếu gặp ở những câu có vị ngữ là động từ *làm*.

3.1.1.2. Chủ ngữ được biểu hiện bằng vị từ và cụm chủ vị (cụm vị từ)

Chủ ngữ kiểu này xuất hiện trong các mô hình 2) và 3). Những đặc điểm đáng chú ý của kiểu chủ ngữ này là:

1) Trước vị từ *làm* chủ ngữ của câu hoặc vị từ - hạt nhân (vị ngữ) của cụm chủ vị (cụm vị từ) làm chủ ngữ hầu như không xuất hiện các phó từ chỉ thời. Thí dụ:

(41a) *Yêu Minh khiến cho Long thấy phấn khởi, thấy thỏa chí như đã làm được nhiều việc thiện.* (Vũ Trọng Phụng)

(42a) *Hành quân đi nhiều đường vòng khiến cho người khác không đoán được ý mình.* (Lê Minh Huy)

(43a) *Mọi người đều cười khiến Hạnh bên lên ngồi xuống.* (Khái Hưng)

(44a) *Nó bàn với một lũ khác dọa đánh bọn trai lạ vẫn bám quanh nhà khiến cho bọn A Sử bị vương không vào được.* (Tô Hoài)

Trường hợp trước vị từ - hạt nhân của cụm chủ vị làm chủ ngữ xuất hiện phó từ chỉ thời như dưới đây là trường hợp tương đối hiếm:

(45) *Tôi đã quát mấy chị Cào Cào ngụ ngoài đầu bờ khiến mỗi lần tôi đi qua các chị phải núp khuôn mặt trái xoan dưới nhánh cỏ, chỉ dám đưa mắt lên nhìn trộm.* (Tô Hoài)

2) Vị từ hoặc cụm chủ vị làm chủ ngữ bên các động từ làm, khiến hầu như đều có khả năng danh hóa để biến thành nhóm danh từ. Chẳng hạn, những câu trên đây đều có thể chuyển thành những câu sau:

(41b) *Việc yêu Minh khiến cho Long thấy phấn khởi, thấy thỏa chí như đã làm được nhiều việc thiện.*

(42b) *Việc hành quân đi nhiều đường vòng khiến cho người khác không đoán được ý mình.*

(43b) *Việc mọi người đều cười khiến Hạnh bẽn lẽn ngồi xuống.*

(44b) *Việc nó bàn với một lũ khác dọa đánh bọn trai lạ vẫn bám quanh nhà khiến cho bọn A Sừ bị vương không vào được.*

Khả năng danh hóa vị từ, cụm chủ vị làm chủ ngữ bên các động từ làm, khiến chứng tỏ rằng về bản chất, chủ ngữ có đặc tính danh từ, nghĩa là hình thức cơ bản của chủ ngữ là hình thức danh từ. Hình thức vị từ và cụm chủ vị chỉ là biến thể không cơ bản của chủ ngữ và các hình thức đó hầu như đều có thể chuyển về hình thức cơ bản là hình thức danh từ.

3.1.2. Về vị trí

Chủ ngữ bên các động từ làm, khiến luôn chiếm vị trí trước động từ - vị ngữ. Tuy nhiên, ngữ liệu thu được cũng cho thấy bên cạnh tuyệt đại đa

số trường hợp chủ ngữ chiếm vị trí liền trước động từ - vị ngữ (giữa nó và động từ - vị ngữ không có quãng ngừng mà trên chữ viết được ghi bằng dấu phẩy - ",") cũng có một số ít trường hợp (khi được biểu hiện bằng cụm chủ vị), chủ ngữ được tách biệt rõ rệt với động từ - vị ngữ bởi ngữ điệu (trên chữ viết được ghi bằng dấu phẩy - ",").
Thí dụ:

(46) *Những lời thị phi ấy đến tai bà Cỏ, khiến cho bà tái tím ruột gan.* (Thạch Lam)

(47) *Bà cụ vừa nói vừa mỉm cười, khiến Mai luống cuống.* (Khái Hưng)

(48) *Vừa dứt câu, roi gân bò quất vào mặt, khiến tôi tối tăm cả mặt mũi.* (Nguyễn Công Hoan)

Những cách dùng dấu phẩy sau chủ ngữ như trong các thí dụ trên không có tính quy tắc. Một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này có thể là đặc điểm cấu tạo của chủ ngữ và đặc tính của các động từ làm, khiến. (Phải chăng khi được biểu hiện bằng cụm chủ vị, chủ ngữ dường như được nhìn nhận như một vế câu; còn động từ khiến, do có nét gần với quan hệ từ, được nhìn nhận không phải như vị ngữ mà như một phương tiện nối kết các vế câu?).

3.2. Về ý nghĩa của chủ ngữ

3.2.1. Về ý nghĩa từ vựng

Mặc dù chủ ngữ bên các động từ làm, khiến về đặc tính từ loại đều có tính danh từ như đã nói nhưng về ý nghĩa từ vựng, phần lớn chủ ngữ không chỉ sự vật (vật thể) mà chỉ hoạt động, đặc điểm (sự tình). Sờ dĩ có thể khẳng định như vậy là vì ngoài kiểu chủ ngữ được biểu hiện bằng vị từ, cụm chủ vị chắc chắn biểu thị sự tình, kiểu chủ ngữ còn lại hầu như đều

được biểu hiện bằng danh từ (nhóm danh từ) trừu tượng mà hạt nhân ngữ nghĩa của nó là vị từ hoặc các yếu tố vốn là vị từ (xem mục 3.1.1). Đặc điểm ý nghĩa chỉ ra trên đây của chủ ngữ bên các động từ *làm*, *khiến* trong câu nhân quả tiếng Việt hoàn toàn phù hợp với kết quả nghiên cứu về loại hình học các cấu trúc nhân quả mà V.P. Nedjalkov và G.G. Silniskij tiến hành, theo đó, thành tố ngữ nghĩa trạng thái (*состояние*, theo nghĩa rộng, chỉ “tất cả những gì được biểu hiện bằng vị từ hoặc các hình thức phái sinh từ chúng” [8, 6]) được coi là một trong các *hằng số* (*константа*) của sự tình nhân quả [8, 6].

3.2.2. Về nghĩa biểu hiện (nghĩa quan hệ sâu)

Xét trong mối quan hệ ngữ nghĩa (quan hệ về mặt nghĩa biểu hiện hay nghĩa sâu) với bổ ngữ, chủ ngữ bên các động từ *làm*, *khiến* chỉ nguyên nhân của sự tình được nêu ở bổ ngữ (vì vậy, nó thường được gọi là *chủ ngữ nguyên nhân*). Nghĩa sâu nguyên nhân của chủ ngữ được xác nhận qua khả năng chuyển nó thành “trạng ngữ nguyên nhân” hay “về phụ chỉ nguyên nhân của câu ghép”. So sánh:

(39a) *Những điều này khiến Bình suy nghĩ và đau lòng.* (Nguyễn Hồng)

(39c) *Bình suy nghĩ và đau lòng vì những điều này.* (Nguyễn Hồng)

(43a) *Mọi người đều cười khiến Hạnh bên lên ngôi xuống.* (Khái Hưng)

(43c) *Vì mọi người đều cười nên Hạnh bên lên ngôi xuống.* (Khái Hưng)

3.2.3. Về nghĩa cú pháp

Chủ ngữ bên các động từ *làm*, *khiến* chỉ chủ thể cú pháp, tức là kẻ hoạt động về mặt ngữ pháp. Ý nghĩa

cú pháp này của chủ ngữ do ý nghĩa ngữ pháp hoạt động của động từ - vị ngữ (*làm*, *khiến*) quy định. Cách hiểu trên đây về ý nghĩa cú pháp của chủ ngữ bên các động từ *làm*, *khiến* phù hợp với cách hiểu cho rằng “ý nghĩa của bất kì động từ nào cũng đều thuộc phạm trù hoạt động. Tất cả các động từ đều được thống nhất trong phạm trù chung hoạt động” [9, 150]. Cách hiểu trên đây về nghĩa cú pháp của chủ ngữ cũng phù hợp với cách hiểu cho rằng nghĩa cú pháp chủ thể là ý nghĩa đặc trưng của chủ ngữ nói chung, kể cả chủ ngữ bên các động từ ngữ pháp (*được*, *bị*, *làm*, *khiến*...) [6, 9-11], [4, 48 - 50], [3a, 38 - 39].

4. Đặc điểm của bổ ngữ bên các động từ *làm*, *khiến*

4.1. Về hình thức

4.1.1. Về cấu tạo

Xem xét đặc điểm cấu tạo của bổ ngữ bên các động từ *làm*, *khiến*, trước hết, cần làm rõ tính chất của mối quan hệ cú pháp giữa N_2 và V_2 . Về vấn đề này, ý kiến của các tác giả không thống nhất.

Nguyễn Kim Thân xếp *làm*, *khiến* vào cùng nhóm với động từ câu khiến (*cắm*, *mời*, *khuyến*, *yêu cầu*...) và coi N_2 và V_2 là hai bổ ngữ. [2, 147 - 149].

Diệp Quang Ban gọi câu có vị ngữ là các động từ *làm*, *khiến* là “câu chỉ nguyên nhân đánh dấu” [1, 140] và cũng coi N_2 và V_2 ở sau *làm*, *khiến* là hai bổ ngữ của các động từ này mặc dù ông lưu ý rằng có một ngoại lệ là “trường hợp trong đó trật tự hai bổ ngữ là cố định” nhưng ông vẫn coi “đó là hai bổ ngữ chứ không phải là một chủ ngữ và một vị tố”. [1, 143].

Khác với các tác giả trên đây, Nguyễn Văn Hiệp xếp câu có vị ngữ

là các động từ *làm*, *khiến* biểu thị mối quan hệ nhân quả (*Nàng trẻ và đẹp làm cho tên cướp cảm động*.) vào kiểu “câu phức có bổ ngữ là cụm chủ vị” [5, 360-361].

Theo chúng tôi, việc coi N_2 sau *làm*, *khiến* là bổ ngữ có một điểm vướng mắc. Cụ thể:

- Khác với N_2 ở sau động từ cầu khiến, ở N_2 sau *làm*, *khiến* hầu như không có khả năng tách khỏi V_2 để quan hệ riêng với *làm*, *khiến*. (Không thể nói: *Trăng làm thị. Tập thể dục làm cho cơ thể*). Điều này chứng tỏ không có mối quan hệ ý nghĩa và hình thức (quan hệ cú pháp) giữa *làm*, *khiến* và N_2 [3b, 53-54].

- Khác với các động từ cầu khiến chỉ phối trực tiếp hai bổ ngữ (trừ *ra lệnh*), *làm*, *khiến* có đặc tính chỉ phối gián tiếp qua quan hệ từ *cho*. Rõ ràng *cho* không dẫn nối N_2 (giống như *cho* ở sau *ra lệnh*) như các thí dụ ở trên cho thấy. Vậy *cho* được dùng để dẫn nối V_2 (hay cả tổ hợp N_2 - V_2 mà V_2 là hạt nhân).

- Có thể lược bỏ N_2 (có thể nói: *Trăng làm đẹp lên. Cuộc kháng chiến đã làm đổi mới tư tưởng*.). Điều này cho thấy chỉ V_2 mới thực sự là bổ ngữ của *làm*, *khiến*.

Trên cơ sở đã phân tích, chúng tôi nghiêng về ý kiến coi sau *làm*, *khiến* chỉ có một bổ ngữ là cụm vị từ (cụm chủ vị) nhưng lưu ý rằng cụm vị từ hay cụm chủ vị nói ở đây không phải cấu trúc gồm hai thành tố có quan hệ phụ thuộc qua lại và có vai trò ngang nhau mà là cấu trúc chính phụ với hạt nhân là vị từ và thành tố phụ là chủ ngữ [4, 47-50].

Cụm vị từ (cụm chủ vị) làm bổ ngữ bên các động từ *làm*, *khiến* có những đặc điểm đáng chú ý sau:

1) Hạt nhân (vị ngữ) của cụm chủ vị làm bổ ngữ (V_2) thường được biểu hiện bằng động từ. Thí dụ:

(49) *Cứ chi không ngờ này lại khiến bà chánh cảm động*. (Nguyễn Công Hoan)

(50) *Một tiếng chuông dài kêu lên ngoài giàn thiên lí làm cho bà chủ ngồi nhồm dậy*. (Vũ Trọng Phụng)

(51) *Gạch mát và phù rêu xanh khiến Thanh nhớ lại bàn chân xinh xắn của Nga ngày nào đi trên đó*. (Thạch Lam)

(52) *Có cái gì dịu ngọt chẳng tơ ở đây khiến chàng vương phải*. (Thạch Lam)

2) Ngoài hình thức phổ biến kể trên, V_2 cũng có thể được biểu hiện bằng tính từ. Trong trường hợp này, bên tính từ thường có thêm các yếu tố phụ chỉ sự diễn tiến của tính chất (như: *lên, hơn, chóng, thêm...*). Thí dụ:

(53) *Tình yêu có thể làm một tâm hồn đẹp hẳn lên*. (Nam Cao)

(54) *Lòng ghen ghét làm Tích khỏe thêm lên*. (Nam Cao)

(55) *Một làn ánh sáng mờ lướt qua làm cái mặt hốc hác và màu da đã xanh lại càng xanh thêm*. (Nam Cao)

(56) *Mùi cháo bốc lên ngầy ngậy, thơm thơm khiến cho cặp mắt người đàn ông lành lợi hẳn lên*. (Vũ Thị Hồng)

3) Trước các động từ - hạt nhân (vị ngữ) của cụm chủ vị làm bổ ngữ hầu như không xuất hiện các phó từ chỉ thời. Trường hợp phó từ *đang* xuất hiện trước động từ - hạt nhân của cụm chủ vị làm bổ ngữ như ở câu dưới đây rất hiếm:

(57) *Quy mô của cuộc can thiệp và hậu quả ngoài ý muốn của nó đủ khiến cho cuộc can thiệp này đang*

lấn át mục tiêu chính trị và nhân đạo ban đầu. (Báo Nhân dân, 28/04/1999)

4) Hầu như không gặp trường hợp lược bỏ V_2 ở cụm chủ vị làm bỏ ngữ. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, chủ ngữ (N_2) của cụm chủ vị này có thể bị lược bỏ. Thí dụ:

(58) *Tình yêu làm cho Ø có duyên.*
(Nam Cao)

(59) *Làm cho Ø nhìn chẳng được nhau...* (Nguyễn Du)

4.1.2. Về phương thức kết hợp với động từ

Bổ ngữ bên các động từ *làm*, *khiến* thuộc loại bổ ngữ gián tiếp. Phương tiện dẫn nối bổ ngữ là quan hệ từ *cho*. Bổ ngữ có thể xuất hiện với hai biến thể: biến thể có quan hệ từ và biến thể vắng quan hệ từ.

- Biến thể có quan hệ từ:

(60) *Cái giọng nói ấy làm cho Tân không bằng lòng.* (Thạch Lam)

(61) *Báo ế đã làm cho tôi nản lòng.* (Nguyễn Công Hoan)

- Biến thể vắng quan hệ từ

(62) *Ông cảm hờn bọn phản quốc đã làm ông mất ăn, mất ngủ.* (Nguyễn Công Hoan)

(63) *Câu trả lời của vú già khiến Chương càng nghĩ tới Tuyết.* (Khái Hưng, Nhất Linh)

4.1.3. Về vị trí

Bổ ngữ bên các động từ *làm*, *khiến* hầu như luôn chiếm vị trí sau động từ - vị ngữ. Tuy nhiên, về trật tự vị trí giữa N_2 và V_2 ở bổ ngữ có một điểm đáng chú ý: Nếu bên động từ *khiến*, N_2 luôn đứng trước V_2 thì bên động từ *làm*, trong một số trường hợp (nhất là khi vắng quan hệ từ *cho*), V_2 có thể chuyển lên trước N_2 . Trong

trường hợp này, V_2 thường là tính từ hoặc động từ không chủ ý. So sánh:

(64a) *Ánh trăng đổ tràn bên bờ suối làm bóng Sứ đang quỳ nổi rõ.*

(64b) *Ánh trăng đổ tràn bên bờ suối làm nổi rõ bóng Sứ đang quỳ.*
(Anh Đức)

(65a) *Một hồi vỗ tay làm cả phòng hát rung động.*

(65b) *Một hồi vỗ tay làm rung động cả phòng hát.* (Nguyễn Công Hoan)

4.2. Về ý nghĩa

4.2.1. Về ý nghĩa từ vựng và ý biểu hiện (nghĩa quan hệ sâu)

Hạt nhân ngữ nghĩa của bổ ngữ chính là V_2 (hoặc là thực từ sau V_2 , nếu V_2 là động từ ngữ pháp) và về nghĩa từ vựng, luôn biểu thị hoạt động hay đặc điểm (sự tình).

Về nghĩa biểu hiện (nghĩa quan hệ sâu), phù hợp với nghĩa nguyên nhân của chủ ngữ, bổ ngữ sau *làm*, *khiến* có ý nghĩa kết quả. Nó chỉ sự tình này sinh mà nguyên nhân chính là sự tình nêu ở chủ ngữ. Mỗi quan hệ nhân quả giữa chủ ngữ và bổ ngữ ở đây được biểu thị bởi các động từ *làm*, *khiến* giữ vai trò vị ngữ. Nội dung cụ thể của mối quan hệ này khá phức tạp nhưng bài viết này chưa có điều kiện đề cập.

4.2.2. Về nghĩa cú pháp của bổ ngữ

Phù hợp với nghĩa ngữ pháp hoạt động của các động từ *làm*, *khiến* và tương ứng với nghĩa cú pháp chủ thể hoạt động của chủ ngữ, bổ ngữ bên các động từ *làm*, *khiến* có ý nghĩa cú pháp đối thể. Nghĩa cú pháp đối thể của bổ ngữ ở đây, cũng như nghĩa

cú pháp chủ thể của chủ ngữ, là nghĩa thuần cú pháp (vì chúng không biểu thị bất kì kẻ hoạt động hay đối thể hoạt động cụ thể nào trong thực tế).

5. Kết luận

Qua kết quả khảo sát bước đầu về câu nhân quả có vị ngữ là các động từ ngữ pháp *làm, khiến*, có thể rút ra một số kết luận sau:

5.1. Câu nhân quả có vị ngữ là các động từ ngữ pháp *làm, khiến* được dùng rất phổ biến trong lời nói hằng ngày cũng như trong văn bản, đặc biệt là trong văn chương. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của kiểu câu này đối với việc biểu thị mối quan hệ nhân quả trong tiếng Việt (bên cạnh câu có ý nghĩa nhân quả được biểu thị bằng quan hệ từ).

5.2. Kết quả khảo sát về câu nhân quả được biểu hiện bằng các động từ ngữ pháp *làm, khiến* cho thấy các động từ *làm, khiến* với đặc tính trung gian (bán thực từ) của mình có những đặc điểm rất đáng chú ý về ý nghĩa và kết trị. Do sự chi phối của *làm, khiến* với vai trò vị ngữ, chủ ngữ và bổ ngữ bên chúng cũng có những nét độc đáo và sự khác biệt rõ nét so với chủ ngữ, bổ ngữ bên động từ thuộc các nhóm khác.

5.3. Kết quả nghiên cứu về câu nhân quả có vị ngữ là các động từ ngữ pháp *làm, khiến* không chỉ giúp soi sáng thêm đặc điểm của câu nhân quả nói chung, phương thức biểu thị quan hệ nhân quả trong tiếng Việt mà còn cho phép có cái nhìn tổng thể về loại câu có vị ngữ được biểu hiện bằng động từ ngữ pháp (động từ quan hệ), đồng thời, cũng góp phần bổ sung những cứ liệu cần thiết, bổ ích cho việc nghiên cứu cấu trúc nhân quả từ góc độ loại hình học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tiếng Việt

1. Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb GD, H., 2005.

2. Nguyễn Kim Thán, *Động từ trong tiếng Việt*, Nxb KHXH, H., 1977.

3. Nguyễn Mạnh Tiến,

a. *Sự chi phối của ý nghĩa đối với kết trị và sự hiện thực hóa kết trị của động từ*, T/c Khoa học, (KHXH&NV) ĐHQGHN, Số 1, 2013.

b. *Góp thêm một số ý kiến về việc phân biệt quan hệ cú pháp với quan hệ ngữ nghĩa*, T/c Ngôn ngữ, Số 11, 2013.

4. Nguyễn Mạnh Tiến, Nguyễn Văn Lộc, *Một số khó khăn, hạn chế của việc vận dụng cách định nghĩa chủ ngữ, vị ngữ theo quan niệm truyền thống vào dạy học ngữ pháp*, T/c Ngôn ngữ, Số 8, 2013.

5. Nguyễn Văn Hiệp, *Cú pháp tiếng Việt*, Nxb GD, H., 2009.

6. Nguyễn Văn Lộc, *Thư nêu một định nghĩa về chủ ngữ trong tiếng Việt*, T/c Ngôn ngữ, Số 3, 2003.

7. Văn Tân, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb KHXH, H., 1997.

II. Tiếng Nga

8. Недялков. В. П., Сильницкий, Г.Г., *Типология каузативных конструкций* (В книге: Типология каузативных конструкций, Издательство «Наука», Ленинград, 1969)

9. Солнцева Н.В., *Строй Глагольного предложения в китайском языке (Языки Китая и Юго-восточной Азии - проблемы синтаксиса)*, Издательство «Наука», Москва, 1971).

10. Теньер Л., *Основы структурного синтаксиса*, Москва «Прогресс», 1988.